

## MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

HOÀI THANH

(Trích)

### KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về “tinh thần thơ mới” trong ý nghĩa văn chương và xã hội.
- Thấy rõ nghệ thuật nghị luận văn chương khoa học, chặt chẽ, thấu đáo và cách diễn đạt tài hoa, tinh tế, giàu cảm xúc của tác giả.

### TIỂU DẪN

Hoài Thanh (1909 – 1982) tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Trước Cách mạng, thời còn đi học, ông từng tham gia phong trào yêu nước và bị thực dân Pháp bắt giam. Ông viết văn từ những năm 30 của thế kỉ XX. Tháng 8 năm 1945, ông tham gia khởi nghĩa và làm Chủ tịch Hội Văn hoá cứu quốc ở Huế. Sau Cách mạng tháng Tám, ông hoạt động chủ yếu trong ngành Văn hoá – Nghệ thuật và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Tổng thư kí Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam, Hội Văn nghệ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật, Tổng thư kí Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Chủ nhiệm tuần báo *Văn nghệ*,...

Hoài Thanh là nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. Ông là tác giả của nhiều công trình có giá trị: *Văn chương và hành động* (1936), *Thi nhân Việt Nam* (1942), *Có một nền văn hoá Việt Nam* (1946), *Quyển sống của con người trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du* (1949), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1950), *Phê bình và tiểu luận* (3 tập – 1960, 1965, 1971). Trong đó *Thi nhân Việt Nam* là công trình được đánh giá xuất sắc nhất. Năm 2000, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

*Một thời đại trong thi ca* là tiểu luận mở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*, tổng kết một cách sâu sắc phong trào Thơ mới. Đoạn trích dưới đây thuộc phần cuối của bài tiểu luận nói trên.



Hoài Thanh

## VĂN BẢN

[...] Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn : tinh thần thơ mới.

Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này<sup>(1)</sup> thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết :

*Người giai nhân : bến đò dưới cây già ;*

*Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.*

Và một nhà thơ cũ<sup>(2)</sup> tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lả lơi :

*Ô hay ! Cảnh cũng ưa người nhĩ !*

*Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ ?*

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Ấu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thế hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này : quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể : lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu táo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào

(1) Tức là hai câu thơ của Xuân Diệu :

*Hôm nay tôi đã chết trong người*

*Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.*

(2) Có sách nói là của Bà Huyện Thanh Quan, có sách nói là của Hồ Xuân Hương (chú thích của Hoài Thanh).

dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay – thì cũng thế – với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng<sup>(1)</sup>, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cô đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa ra đời, đoàn thể đã dành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thêm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rùng đến thế.

Bởi vậy cho nên, khi chữ *tôi*, với *cái nghĩa tuyệt đối của nó*, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ *anh*, chữ *bác*, chữ *ông* đã thấy chướng. Hướng bây giờ nó đến một mình !

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bờ ngõ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá !

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ *ta* với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. Đùng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lí Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa :

*Nỗi đời cay cực đang giờ vượt,  
Cơm áo không đùa với khách thơ.*

Không biết trong khi rên rĩ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui<sup>(2)</sup>.

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu ! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thầy chúng ta.

Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

---

(1) Suốt trong “khúc tự tình” của Cao Bá Nhạ dài 538 câu, chữ *tôi* không có đã đành, mà cũng không có lấy một chữ *ta* (chú thích của Hoài Thanh).

(2) Nguyễn Công Trứ viết trong *Nhà nho vui cảnh nghèo* (Hàn nho phong vị phú) : *Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no – Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình của thường bố ngõ.*

Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

Thời trước, dẫu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dẫu bị khinh bỏ như cô phụ<sup>(1)</sup> trên bến Tầm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hòe phủ trên thi tứ. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác : một lòng tin đầy đủ.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngấm ngấm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch<sup>(2)</sup> chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hi vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo *Nam phong* : “*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn”.

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai.

Novembre<sup>(3)</sup> 1941

---

(*Thi nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943)

---

(1) Ý nói người ca nữ trong *Ti bà hành* của Bạch Cư Dị.

(2) *Hồn bạch* : tấm lụa hay vải được kết lại thành hình người có đầu, có chân tay đắp vào người sắp chết. Hồn bạch được coi như linh hồn người chết, đưa lên bàn thờ và rước theo quan tài khi đưa ma.

(3) *Novembre* (tiếng Pháp) : tháng 11.

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Theo tác giả, cái khó trong việc tìm ra tinh thần của thơ mới là gì? Và tác giả đã nêu ra cách nhận diện như thế nào?
2. Điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam bấy giờ là gì?
3. Phân tích vì sao tác giả nói “chữ *tôi*, với cái nghĩa tuyệt đối của nó” lại “đáng thương” và ... “tội nghiệp”.
4. Các nhà thơ lãng mạn cũng như “người thanh niên” bấy giờ đã giải tỏa bi kịch đời mình bằng cách nào?
5. *Một thời đại trong thi ca* là một tiểu luận phức tạp, phong phú nhưng vì sao người đọc vẫn thấy dễ hiểu và hấp dẫn? (Chú ý cách đặt vấn đề, dẫn dắt vấn đề, lời văn giàu hình ảnh và chất thơ,...)

### GHI NHỚ

Với một nghệ thuật lập luận khoa học, chặt chẽ, thấu đáo và một văn phong tài hoa, tinh tế, giàu cảm xúc, *Một thời đại trong thi ca* đã nêu rõ nội dung cốt yếu của “tinh thần thơ mới”: Lần đầu tiên “chữ *tôi*, với cái nghĩa tuyệt đối của nó”, xuất hiện trong thi ca đồng thời cũng nói lên “cái bi kịch ngấm ngầm trong hồn người thanh niên” hồi bấy giờ.

## LUYỆN TẬP

1. Theo quan niệm của Hoài Thanh, chữ *tôi* và *ta* trong thơ mới và thơ cũ có gì khác nhau?
2. Lòng yêu nước của các nhà thơ mới đã được biểu lộ như thế nào?
3. Qua bài tiểu luận, anh (chị) hiểu gì thêm về tâm hồn các nhà thơ lãng mạn và thế hệ thanh niên đương thời?